

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG CHÀ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Bản án số: 25/2020/HSST

Ngày 14/8/2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG CHÀ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Tiến Hưng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Khoảng Văn Hặc

2. Ông Nguyễn Xuân Hoàng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Ông Phìn Đại Quảng** - thư ký Tòa án nhân dân huyện MC, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MC tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở TAND huyện MC, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân huyện MC số: 25/2020/QĐXXST- HS ngày 31 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Bùi Văn L (tên gọi khác: không), sinh năm 1986, tại thị xã ML, tỉnh DB.

Nơi cư trú: Tổ dân phố số 4, thị trấn MC, huyện MC, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn L1 - sinh năm 1956, con bà Phạm Thị S- sinh năm 1963; Vợ: Tống Thanh B, sinh năm 1991, bị cáo có 01 con sinh năm 2012; Tiền án, Tiền sự: không; Nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; Bị cáo bị tạm giữ ngày 15/5/2020, tạm giam ngày 18/5/2020. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Ông Lò Minh P**, sinh năm: 1979. Nơi cư trú: Tổ dân phố số 2, thị trấn MC, huyện MC, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ ngày 15/5/2020, Bùi Văn L xuống Trung tâm y tế huyện MC để uống thuốc Methadone và gặp Lò Minh P. Sau khi uống thuốc xong thì L và Phương đi về nhà, trên đường đi Phương hỏi L dạo này L có hay dùng ma túy không, nếu muốn sử dụng P cho một ít. L về đến nhà được khoảng 10 phút, khi đang ở trong nhà

thì nghe tiếng có người gọi mình phía suối sau nhà, L nhìn ra thì thấy P đang đứng dưới suối gọi. L đi bộ từ nhà xuống suối gặp P, L đứng phía bên bờ suối phía nhà L còn Phương đứng ở bờ suối đối diện. P chỉ tay phía hòn đá ngay chỗ L đứng và nói “kia kia”, L nhìn xuống tảng đá thì thấy và nhặt 01 gói nilon màu trắng bên trong là mảnh giấy bạc, L cầm trong tay nhưng không mở ra kiểm tra, nhưng L biết bên trong có ma túy, vì nghiện ma túy nên L đã mang gói ma túy về để sử dụng cho bản thân. L cầm gói ma túy trong tay trái đi bộ về nhà. Đến 10 giờ 15 phút cùng ngày, khi đang đi ở đường QL 12, thuộc tổ 4, thị trấn MC, huyện MC thì L phát hiện thấy tổ công tác, sợ bị phát hiện có ma túy nên L đã thả gói ma túy đang cầm trong tay trái xuống đất. Tổ công tác yêu cầu L nhặt gói ma túy lên kiểm tra, L thừa nhận là ma túy của mình. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ 01 gói Methamphetamine có 04 viên nén màu hồng có khối lượng 0,387 gam của Bùi Văn L.

Kết luận giám định số: 441/GĐ-PC09, ngày 26/5/2020, của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận: “Mẫu viên nén màu hồng ký hiệu M trích ra từ vật chứng thu giữ của Bùi Văn L gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine. Khối lượng vật chứng thu giữ của Bùi Văn L là 0,387 gam.

Cáo trạng số: 24/CT-VKS-MC ngày 29/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện MC, tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Bùi Văn L về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MC, tỉnh Điện Biên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo Bùi Văn L từ 14 tháng đến 17 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS để xử lý vật chứng.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136/BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Bùi Văn L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nói sau cùng bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Lò Minh P có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố lời khai của người này tại phiên tòa. Phương không thừa nhận đã cho bị cáo Bùi Văn L ma túy vào ngày 15/5/2020. Bị cáo không đồng ý với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan

điều tra và Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng vật chứng và kết luận giám định, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để xác định: Hội 10 giờ 15 phút ngày 15/5/2020, tại khu vực tổ dân phố số 4, thị trấn MC, huyện MC, tỉnh Điện Biên, Bùi Văn L đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,387 gam Methamphetamine.

HĐXX thấy rằng hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do pháp luật quy định. Viện kiểm sát nhân dân huyện MC truy tố và kết luận bị cáo phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

2. Xét về tính chất của vụ án và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của bị cáo có tính chất nghiêm trọng, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của nhà nước, bản thân bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy đối với đời sống kinh tế và sức khỏe của con người, nhưng để thỏa mãn nhu cầu nghiện ma túy của bản thân bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, hành vi phạm tội của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn huyện MC và góp phần làm cho ma túy tồn tại và phát triển. Bởi vậy, cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, để cải tạo giáo dục riêng và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Nhưng là người nghiện chất ma túy.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy rằng tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, tỏ rõ sự ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của bản thân. Bị cáo có bố đẻ là ông Bùi Văn Lai có nhiều thành tích trong công tác, được tặng thưởng bằng khen của thủ tướng chính phủ và nhiều kỷ niệm chương của các bộ, ngành. Bởi vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51/BLHS, để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngoài hình phạt chính, theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt bổ sung. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án (biên bản xác minh thu nhập, tài sản) và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, tài sản ngôi nhà cấp 4 là tài sản chung của vợ chồng, hiện vợ bị cáo và con nhỏ đang sử dụng, điều kiện kinh tế còn gặp nhiều khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện MC, tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện MC; trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng với quy định của

pháp luật.

4. Về vật chứng:

- 0,192 gam Methamphetamine còn lại sau khi trích mẫu giám định là vật cấm tàng trữ, lưu hành cần tịch thu tiêu hủy. Các đồ vật: 01 túi nilon màu trắng bên trong có mảnh giấy ghi VC, 01 mảnh nilon màu trắng, 01 mảnh giấy bạc màu trắng bạc, 01 phong bì niêm phong vật chứng ban đầu là vật không có giá trị sử dụng cần cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone, 01 thẻ điều trị methadone và số tiền 12.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả bị cáo.

5. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136/BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Bùi Văn L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Đối với người có quyền và nghĩa vụ liên quan là ông Lò Minh P, Bùi Văn L khai nhận nguồn gốc số Methamphetamine mà bị cáo bị thu giữ là Lò Minh Phương cho bị cáo. Nhưng tại các biên bản ghi lời khai và biên bản đối chất Phương không thừa nhận, ngoài lời khai của Bùi Văn L không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh và xử lý hành vi của Lò Minh P, nên không có căn cứ để xử lý. HĐXX không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Văn L 14 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 15/5/2020.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong vật chứng bên ngoài có ghi vật chứng còn lại vụ Bùi Văn L, bên trong có: 01 túi nilon màu trắng bên trong có mảnh giấy ghi VC chứa 02 viên nén màu hồng có khối lượng 0,192 gam; 01 mảnh nilon màu trắng, 01 mảnh giấy bạc màu trắng bạc, 01 phong bì niêm phong vật chứng ban đầu.

+ Trả bị cáo: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone, 01 thẻ điều trị methadone và số tiền 12.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành. Đã niêm phong.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện MC và Chi cục Thi hành án dân sự huyện MC, tỉnh Điện Biên ngày 30/6/2020).

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136/BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Bùi Văn L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/8/2020).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo những vấn đề có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện MC
- Nhà tạm giữ CA huyện MC
- Cơ quan THAHS huyện MC
- CQ CSĐT CA huyện MC
- Chi cục THADS huyện MC
- Bị cáo; Người có QL, NV LQ
- Phòng KTNV TA tỉnh Điện Biên;
- VKS tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp tỉnh Điện Biên;
- CA tỉnh Điện Biên;
- UBND thị trấn MC
- Lưu

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tiến Hưng